

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 16/2015/NQ-HĐND

Cao Bằng, ngày 09 tháng 7 năm 2015

NGHỊ QUYẾT
Quy định phân cấp quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước
trên địa bàn tỉnh Cao Bằng

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG
KHOÁ XV, KỲ HỌP THỨ 12

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước ngày 03 tháng 6 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số Điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 245/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính quy định thực hiện một số nội dung của Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2009; Thông tư số 09/2012/TT-BTC ngày 19 tháng 01 năm 2012 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều Thông tư số 245/2009/TT-BTC;

Xét Tờ trình số 1592/TTr-UBND ngày 19 tháng 6 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc đề nghị ban hành Nghị quyết Quy định phân cấp quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước trên địa bàn tỉnh Cao Bằng;

Sau khi nghe báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế và Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Nhất trí thông qua Quy định phân cấp quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này và báo cáo kết quả thực hiện với Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 4. Nghị quyết này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày thông qua và thay thế Nghị quyết số 28/2010/NQ-HĐND ngày 09 tháng 7 năm 2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh về “Phân cấp quản lý, sử dụng và xử lý tài sản Nhà nước trên địa bàn tỉnh Cao Bằng”.

Nghị quyết đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng Khoá XV, kỳ họp thứ 12 thông qua./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Hoàng Anh

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH CAO BẰNG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH PHÂN CẤP QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN NHÀ NƯỚC
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH CAO BẰNG

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 16/2015/NQ-HĐND

ngày 09 tháng 7 năm 2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định về việc phân cấp quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước tại cơ quan Nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập do địa phương quản lý (gọi chung là cơ quan, tổ chức, đơn vị).

2. Tài sản Nhà nước tại cơ quan, tổ chức, đơn vị là những tài sản được cơ quan thẩm quyền giao, điều chuyển, tiếp nhận từ các dự án sau khi kết thúc; đầu tư, mua sắm bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước, quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, quỹ phúc lợi của đơn vị hoặc tài sản được xác lập quyền sở hữu Nhà nước theo quy định của pháp luật, gồm:

- a) Đất đai;
- b) Nhà, các tài sản khác gắn liền với đất;
- c) Phương tiện giao thông vận tải;
- d) Máy móc, trang thiết bị làm việc và các tài sản khác.

3. Những nội dung khác liên quan đến việc quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước không đề cập trong Nghị Quyết này thì thực hiện theo Luật Quản lý, sử

dụng tài sản Nhà nước, các Nghị định của Chính phủ và các Thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan, tổ chức, đơn vị do địa phương quản lý được giao trực tiếp quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước.
2. Các đối tượng khác liên quan đến việc quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước tại địa phương.

Điều 3. Nội dung phân cấp quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước

Phân cấp thẩm quyền đối với công tác quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước tại cơ quan, tổ chức, đơn vị trong các trường hợp:

1. Đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản Nhà nước.
2. Thuê tài sản.
3. Thu hồi tài sản Nhà nước.
4. Điều chuyển tài sản Nhà nước.
5. Bán tài sản Nhà nước.
6. Thanh lý tài sản Nhà nước.
7. Bảo dưỡng, sửa chữa tài sản Nhà nước.
8. Cho thuê tài sản Nhà nước.
9. Sử dụng tài sản Nhà nước vào mục đích liên doanh, liên kết.
10. Tiêu hủy tài sản Nhà nước.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Thẩm quyền quyết định đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản Nhà nước

1. Đối với tài sản là nhà, công trình kiến trúc và tài sản khác gắn liền với đất, thẩm quyền quyết định đầu tư xây dựng công trình thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng cơ bản.

2. Đối với tài sản là phương tiện giao thông vận tải, máy móc, trang thiết bị làm việc và các tài sản khác:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định mua:

- Xe ô tô các loại;

- Máy móc, trang thiết bị làm việc và các tài sản khác có giá trị từ 500 triệu đồng trên 01 đơn vị tài sản.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố (gọi chung là cấp huyện) quyết định mua sắm tài sản Nhà nước (trừ ô tô các loại) của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc có giá trị từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng trên 01 đơn vị tài sản;

c) Thủ trưởng các sở, ban, ngành quyết định mua sắm tài sản Nhà nước (trừ ô tô các loại) của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc có giá trị từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng trên 01 đơn vị tài sản;

d) Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc các sở, ban, ngành cấp tỉnh hoặc tương đương; các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện hoặc tương đương; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, phường, thị trấn quyết định mua sắm các loại tài sản có giá trị dưới 100 triệu đồng trên 01 đơn vị tài sản.

Điều 5. Thẩm quyền quyết định thuê tài sản

1. Thẩm quyền quyết định thuê trụ sở làm việc trong các trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 7, Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2009 của Chính phủ như sau:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thuê trụ sở làm việc đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính và thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị được thuê trụ sở làm việc;

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố (gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện) quyết định thuê trụ sở làm việc đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý theo đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch và Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị được thuê trụ sở làm việc;

c) Diện tích trụ sở làm việc được thuê, việc lựa chọn nhà cung cấp dịch vụ cho thuê, giá thuê, kinh phí thuê trụ sở làm việc thực hiện theo quy định tại Khoản 3, 4, 5, 6 Điều 7 Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2009 của Chính phủ.

2. Thẩm quyền quyết định thuê tài sản khác (không phải là trụ sở làm việc) để phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị trong các trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 8 Nghị định số 52/2009/NĐ-CP như sau:

a) Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị các cấp quyết định thuê tài sản để phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị mình;

b) Số lượng, chủng loại tài sản thuê, việc lựa chọn nhà cung cấp dịch vụ cho thuê, giá thuê, kinh phí thuê thực hiện theo quy định tại Khoản 3, 4, 5, 6 Điều 8 Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2009 của Chính phủ.

Điều 6. Thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản Nhà nước

Thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản Nhà nước trong các trường hợp quy định tại Điều 12 Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2009 của Chính phủ như sau:

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính và các cơ quan liên quan đối với các trường hợp sau:

a) Trụ sở làm việc và các tài sản khác gắn liền với đất;

b) Xe ô tô các loại;

c) Máy móc, trang thiết bị làm việc, tài sản khác có nguyên giá theo sổ kế toán có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương quản lý.

2. Giám đốc Sở Tài chính quyết định thu hồi tài sản Nhà nước của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương quản lý là máy móc, trang thiết bị làm việc và các tài sản khác có nguyên giá theo sổ kế toán từ 100 đến dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản (trừ tài sản được quy định tại Khoản 1 Điều này).

3. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố quyết định thu hồi tài sản Nhà nước có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 100 triệu đồng/01 đơn vị tài sản (trừ các tài sản đã quy định tại Khoản 1, Khoản 2 của Điều này) của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong phạm vi nội bộ ngành mình, cấp mình quản lý.

Điều 7. Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản Nhà nước

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều chuyển tài sản Nhà nước của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính và các cơ quan liên quan đối với các trường hợp sau:

a) Trụ sở làm việc và các tài sản khác gắn liền với đất;

b) Xe ô tô các loại;

c) Máy móc, trang thiết bị làm việc, tài sản khác có nguyên giá theo sổ kế toán có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương quản lý.

2. Giám đốc Sở Tài chính căn cứ đề nghị điều chuyển tài sản Nhà nước của thủ trưởng các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và chế độ quản lý tài sản Nhà nước hiện hành để quyết định điều chuyển tài sản Nhà nước (trừ các tài sản đã quy định tại Khoản 1 của Điều này) là máy móc, trang thiết bị làm việc và các tài sản khác có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 500 triệu đồng từ/01 đơn vị tài sản giữa các sở, ban, ngành và cấp huyện.

3. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố quyết định điều chuyển tài sản Nhà nước có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 100 triệu đồng/01 đơn vị tài sản (trừ các tài sản đã quy định tại Khoản 1, Khoản 2 của Điều này) của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong phạm vi nội bộ ngành mình, cấp mình quản lý.

Điều 8. Thẩm quyền quyết định bán tài sản Nhà nước

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bán tài sản Nhà nước của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính và các cơ quan liên quan đối với các trường hợp sau:

a) Trụ sở làm việc và các tài sản khác gắn liền với đất;

b) Xe ô tô các loại;

c) Máy móc, trang thiết bị làm việc, tài sản khác có nguyên giá theo sổ kế toán có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên /01 đơn vị tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương quản lý.

2. Giám đốc Sở Tài chính căn cứ đề nghị bán tài sản Nhà nước của thủ trưởng các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và chế độ quản lý tài sản Nhà nước hiện hành để quyết định bán tài sản Nhà nước (trừ các tài sản đã quy định tại Khoản 1 của Điều này) là máy móc, trang thiết bị làm việc và các tài sản khác có nguyên giá theo sổ kế toán từ 100 đến dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.

3. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố quyết định bán tài sản Nhà nước (trừ các tài sản đã quy định tại Khoản 1, Khoản 2 của Điều này) có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 100 triệu đồng trên 1 đơn vị tài sản thuộc phạm vi của ngành mình, cấp mình quản lý.

4. Riêng các đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ về tài chính: Thủ trưởng đơn vị quyết định bán tài sản thuộc phạm vi quản lý của đơn vị (trừ tài sản quy định tại Khoản 1 Điều này).

Điều 9. Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản Nhà nước

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thanh lý tài sản Nhà nước của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính và các cơ quan liên quan đối với các trường hợp sau:

a) Trụ sở làm việc và các tài sản khác gắn liền với đất;

b) Xe ô tô các loại;

c) Máy móc, trang thiết bị làm việc, tài sản khác có nguyên giá theo sổ kế toán có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên /01 đơn vị tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương quản lý.

2. Giám đốc Sở Tài chính căn cứ đề nghị thanh lý tài sản Nhà nước của Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và chế độ quản lý tài sản Nhà nước hiện hành để quyết định thanh lý tài sản Nhà nước (trừ các tài sản đã quy định tại Khoản 1 của Điều này) là máy móc, trang thiết bị làm việc và các tài sản khác có nguyên giá theo sổ kế toán từ 100 đến dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.

3. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố quyết định thanh lý tài sản Nhà nước (trừ các tài sản đã quy định tại Khoản 1, Khoản 2 của Điều này) có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 100 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.

4. Riêng các đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ về tài chính: Thủ trưởng đơn vị quyết định thanh lý tài sản thuộc phạm vi quản lý của đơn vị (trừ tài sản quy định tại Khoản 1 Điều này).

Điều 10. Thẩm quyền quyết định việc bảo dưỡng, sửa chữa tài sản Nhà nước

1. Bảo dưỡng, sửa chữa tài sản là nhà, công trình kiến trúc:

a) Trên cơ sở dự toán được giao, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc bảo dưỡng, sửa chữa đối với tài sản là nhà, công trình kiến trúc của các cơ quan, tổ chức, đơn vị có giá trị từ 01 tỷ đồng trở lên;

b) Trên cơ sở dự toán được giao, Thủ trưởng các sở, ban, ngành và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố quyết định việc bảo dưỡng, sửa chữa

đối với tài sản là nhà, công trình kiến trúc của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc và trực thuộc quản lý có giá trị dưới 01 tỷ đồng.

Trình tự, thủ tục bảo dưỡng, sửa chữa tài sản thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng cơ bản.

2. Đối với tài sản khác (không thuộc Khoản 1 Điều này):

Trên cơ sở dự toán được giao, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý sử dụng tài sản quyết định việc bảo dưỡng, sửa chữa tài sản.

Việc bảo dưỡng, sửa chữa tài sản phải thực hiện theo đúng chế độ, tiêu chuẩn định mức kinh tế - kỹ thuật do cơ quan có thẩm quyền quy định.

Điều 11. Thẩm quyền quyết định việc cho thuê tài sản Nhà nước

1. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý sử dụng tài sản Nhà nước không được sử dụng tài sản Nhà nước vào mục đích cá nhân, cho thuê và mục đích kinh doanh khác.

2. Riêng đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ về tài chính được phép dùng tài sản Nhà nước vào mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, cho thuê, liên doanh liên kết theo Điều 32, 33 Luật Quản lý, sử dụng tài sản.

Điều 12. Thẩm quyền sử dụng tài sản Nhà nước vào mục đích liên doanh, liên kết

1. Tài sản được liên doanh liên kết.

Các đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ về tài chính được sử dụng tài sản Nhà nước vào mục đích liên doanh liên kết với tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước trong trường hợp: tài sản sử dụng chưa hết công suất; tài sản để phục vụ liên doanh liên kết theo dự án; sử dụng để liên doanh, liên kết có hiệu quả cao hơn.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc sử dụng tài sản Nhà nước tại đơn vị sự nghiệp công lập để liên doanh, liên kết.

Điều 13. Thẩm quyền quyết định tiêu huỷ tài sản Nhà nước

1. Đối với tài sản bị tịch thu phải tiêu huỷ theo quy định của pháp luật thì thực hiện theo văn bản của pháp luật có liên quan.

2. Đối với tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị phải tiêu huỷ: Cơ quan nào có thẩm quyền quyết định đầu tư mua sắm theo phân cấp thì thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị đó ra quyết định tiêu huỷ./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Hoàng Anh